

hoạt động thương mại được miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP.

Trong cùng một thời gian nếu thương nhân vừa được miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức theo Điều 9 Nghị định số 20/1998/NĐ-CP vừa được miễn thuế, giảm thuế doanh thu theo Khoản 3 Điều 18 Luật Thuế doanh thu; miễn thuế, giảm thuế lợi tức theo Điều 21, Điều 25 Luật Thuế lợi tức hoặc miễn thuế doanh thu, thuế lợi tức theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thì việc miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức chỉ thực hiện theo một trong các quy định trên.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Thương nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này có trách nhiệm:

- Xuất trình giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế quản lý ở địa bàn.

- Kê khai đầy đủ doanh thu và lợi tức chịu thuế phát sinh theo định kỳ do cơ quan thuế quy định.

Thương nhân vi phạm chế độ kê khai, đăng ký thuế; chế độ sổ sách, chứng từ kế toán thì không được miễn thuế, giảm thuế theo Thông tư này và tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

2- Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm:

- Hướng dẫn, kiểm tra các thương nhân trong việc triển khai thực hiện Thông tư này.

- Trong quá trình kiểm tra quyết toán thuế, kiểm tra nghĩa vụ thu, nộp ngân sách nhà nước theo định kỳ phát hiện thương nhân có hành vi khai man, trốn thuế thì ngoài việc không thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo Thông tư này, cơ quan thuế có trách nhiệm truy thu đủ số thuế thương nhân phải nộp theo luật định, xem xét mức độ vi phạm và xử phạt theo quy định của

pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

- Cơ quan thuế phải phản ánh đầy đủ, rõ ràng số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm; số thuế còn phải nộp và các chỉ tiêu khác trên các chứng từ thu, tờ khai thuế, sổ bộ thuế và sổ sách kế toán thuế. Cuối năm, cơ quan thuế tổng hợp đầy đủ tình hình thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo Thông tư này và báo cáo Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 1998.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ sở, các ngành, các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu xử lý./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 115/1998/TT-BTC ngày 19/8/1998 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/1998/TT-BTC ngày 13/5/1998 hướng dẫn thực hiện một số quy định về thuế nhằm khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998.

Để khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thay thế Điểm 2, Mục I, Phần B Thông tư số 63/1998/TT-BTC ngày 13/5/1998 của Bộ Tài chính bằng Điểm 2 mới như sau:

"Các doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức theo giấy phép đầu tư. Trường hợp các ưu đãi về miễn, giảm thuế lợi tức quy định tại quy định mới thuận lợi hơn các ưu đãi đã được quy định tại giấy phép đầu tư thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định mới nếu:

- Doanh nghiệp đang trong thời hạn được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức theo quy định mới.

- Doanh nghiệp đảm bảo đủ điều kiện được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức theo quy định mới.

Thời gian được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức là thời gian còn lại tính từ năm cấp giấy phép điều chỉnh đến hết thời gian được hưởng ưu đãi thuế theo quy định mới.

Ví dụ: Doanh nghiệp A được cấp giấy phép đầu

tư năm 1995. Theo giấy phép, doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức. Năm 1996, doanh nghiệp phát sinh lãi. Theo quy định mới, doanh nghiệp có đủ điều kiện được miễn thuế lợi tức 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Do đó, năm 1998, doanh nghiệp được cơ quan cấp giấy phép điều chỉnh ưu đãi miễn, giảm thuế lợi tức.

Như vậy, doanh nghiệp A sẽ được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế lợi tức trong 3 năm 1998, 1999, 2000."

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

09665711